

Số: 230/BC-TH&THCSTT

Trung Trắc, ngày 06 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Công khai chất lượng Giáo dục và Đào tạo, các điều kiện đảm bảo chất lượng và thu - chi tài chính

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 và tình hình thực tế tại đơn vị, trường TH&THCS Trung Trắc đã thực hiện nghiêm túc các nội dung theo yêu cầu và có báo cáo như sau:

I. Thông tin chung

Tên trường: TH&THCS Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Trụ sở chính: Thôn Trai Túc, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213980086

Website: <https://tieuhocvatrunghoccosotrungtrac.edu.vn>

Loại hình: Công lập

Cơ quan chủ quản: UBND huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

II. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của nhà trường

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, cả hai cấp học của nhà trường đã từng bước lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Những năm gần đây, được sự chỉ đạo, quan tâm đầu tư của Sở GD&ĐT tỉnh Hưng Yên, Ủy ban nhân dân huyện Văn Lâm, Phòng GD&ĐT huyện Văn Lâm, Đảng ủy, UBND Trung Trắc, sự phối hợp chặt chẽ và ủng hộ nhiệt tình của các ban ngành đoàn thể, Ban đại diện cha mẹ học sinh, với quyết tâm cao thầy và trò trường TH&THCS Trung Trắc đã vượt qua khó khăn, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Quy mô trường lớp được giữ vững, chất lượng giáo dục của các cấp học ngày càng được nâng cao. Nhà trường luôn đi đúng đường lối lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường sư phạm lành mạnh, thân thiện.

Cơ sở vật chất của nhà trường khang trang; đầy đủ phòng học, phòng chức năng; phòng bộ môn cơ bản đủ, có trang thiết bị đạt chuẩn; khu sân chơi, khu luyện tập TDTT đảm bảo việc phục vụ cho các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổng

quan nhà trường được bố trí, quy hoạch một cách khoa học, ngoài khu phục vụ học tập, nhà trường còn chú trọng sửa sang và tu bổ khuôn viên, tôn tạo cảnh quan đạt chuẩn Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Sở GD&ĐT Hưng Yên, Phòng GD&ĐT huyện Văn Lâm, thầy và trò trường TH&THCS Trung Trắc không ngừng nỗ lực phấn đấu để xứng đáng với niềm tin của các cấp chính quyền và nhân dân trong toàn xã. Những năm gần đây chất lượng giáo dục nhà trường luôn đứng ở tốp đầu các trường TH&THCS của huyện Văn Lâm. Trường có nhiều năm đạt danh hiệu: “Tập thể lao động tiên tiến” và “Tập thể lao động xuất sắc”. Năm 2022 nhà trường được nhận Bằng khen của chủ tịch UBND Tỉnh Hưng Yên có thành tích xuất sắc trong quản lý, giảng dạy và học tập nhân dịp kỉ niệm 60 năm ngày thành lập trường.

Trong giai đoạn phát triển Công nghiệp hoá - Hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế hiện nay, giáo dục ngày càng có vai trò quan trọng trong việc đào tạo thế hệ người Việt Nam mới, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Điều này đòi hỏi nhà trường phải xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển đúng hướng, hợp quy luật, xu thế và xứng tầm thời đại, đồng thời phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội của xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm.

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy kết quả nhà trường đã đạt được trong giai đoạn 2015-2020. Từ đó, xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Ban giám hiệu cũng như toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh nhà trường. Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch chiến lược nhà trường giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 sẽ góp phần quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu giáo dục nhà trường nói riêng, mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội địa phương nói chung

III. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường TH&THCS Trung Trắc được thành lập từ 01/01/2024 theo Quyết định số 5156/QĐ-UBND ngày 29/12/2023, là trường liên cấp được sáp nhập từ hai trường: TH Trung Trắc và THCS Trung Trắc. Năm học 2024-2025, trường có 36 lớp với 55 cán bộ, giáo viên, nhân viên và 1534 học sinh.

Thông tin người đại diện pháp luật để liên hệ: Bà Hoàng Thị Thu Thủy

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Trai Túc - xã Trung Trắc -huyện Văn Lâm

Điện thoại: 0379229868

Gmail: thuyro8x@gmail.com

1. Tổ chức bộ máy

Hội đồng trường nhiệm kỳ 2024-2029 được thành lập theo quy định tại Điều 20 Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo), Hội đồng trường được kiện toàn theo Quyết định số 1065/QĐ-CTUBND ngày 08/5/2024 của UBND huyện Văn Lâm nhiệm kỳ 2024- 2029 do Chủ tịch UBND huyện Văn Lâm Trần Chu Đức ký. Hội đồng trường gồm 15 thành viên: Bí thư Chi bộ-Hiệu trưởng nhà trường; chủ tịch Công đoàn; bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; đại diện tổ chuyên môn, tổ văn phòng; đại diện chính quyền địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh và đại diện học sinh.

Đồng chí Hoàng Thị Thu Thủy - Bí thư Chi bộ, Hiệu trưởng nhà trường làm chủ tịch Hội đồng; Đồng chí Đinh Thị Bích Việt – giáo viên làm thư kí Hội đồng.

2. Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng cơ sở giáo dục

* Hiệu trưởng: Hoàng Thị Thu Thủy

- Ngày tháng năm sinh: 16/11/1980

- Bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng trường TH&THCS Trưng Trắc ngày 01/01/2024 theo Quyết định số 5286/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Văn Lâm.

- Thời gian làm Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay được 08 năm.

* Phó hiệu trưởng phụ trách cấp THCS: Nguyễn Thị Ngọc Triu

- Ngày tháng năm sinh: 20/10/1972

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Trưng Trắc ngày 01/01/2023 theo Quyết định số 5333/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Văn Lâm.

- Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 24 năm.

* Phó hiệu trưởng phụ trách cấp TH: Nguyễn Thị Phụng

- Ngày tháng năm sinh: 07/10/1968

Bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường TH&THCS Trưng Trắc ngày 01/01/2024 theo Quyết định số 5268/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND huyện Văn Lâm.

- Thời gian làm Phó Hiệu trưởng tại đơn vị đến nay là 21 năm 9 tháng

3. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Nhà trường có đầy đủ các văn bản theo quy định: Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; (có văn bản kèm theo).

4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên

Số biên chế được UBND huyện Văn Lâm giao năm 2024:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo		
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn
Hiệu trưởng	1	1	0			01
Phó Hiệu trưởng	2	2	0	0	02	0
Giáo viên	50	47	0	03	47	0
Nhân viên	2	2	0	0	02	0
Cộng	55	52	0	03	51	01

* Công khai thông tin về đội ngũ giáo viên năm học 2024-2025:

- Cấp Tiểu học: Tổng số GV: 25 người, trong đó: giáo viên văn hóa: 21 người; giáo viên bộ môn: 04 người (Tiếng Anh: 02; MT: 01; Nhạc: 01). Đại học: 24 người; cao đẳng: 01 người.

- Cấp THCS: 25 giáo viên trong đó: Đại học: 23 người, cao đẳng 02 người, chia ra:

TT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
I	Cán bộ quản lý	2		1	1					1	1	2			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
II	Giáo viên	25			23	2				4	21	16	7	2	
1	Toán	3			3					1	2	2	1		
2	Lý	1			1						1	1			
3	Hóa	1			1						1	1			
4	Sinh	2			2					1	1		1	1	
5	CN	1			1						1		1		
6	Nhạc	1			1						1		1		
7	Tin học	2			2						2	2			

8	Thẻ đục	2			1	1					2	2			
9	Văn	4			4					1	3	3	1		
10	Sử	2			2						2	2			
11	Địa	2			2						2	1		1	
12	GDCD	0													
13	Ngoại ngữ	3			3					1	2	2	1		
14	Mĩ thuật	1				1					1		1		
III	Nhân viên	2			2						2				
1	Văn thư	1			1						1				
2	Kế toán	1			1						1				
3	Thủ quỹ	0													
4	Y tế	0													
5	Thư viện	0													
6	Thiết bị, thí nghiệm	0													
7	Nhân viên khác	0													
IV	Tổng số	29		1	26	2				5	24	18	7	2	

5. Cơ sở vật chất

Công khai thông tin cơ sở vật chất năm học 2024 – 2025

A. Cấp Tiểu học

	Tổng số	Trong đó		Trong tổng số				Còn thiếu
		KCCT	Cấp 4	Nhờ	Tạm	Sửa	Không an toàn	
Phòng học	27	27	0	0	0	0	0	0
Phòng bộ môn	4	4	0	0	0	0	0	0
Phòng chức năng	9	9	0	0	0	0	0	0
Phòng làm việc	3	3	0	0	0	0	0	0

*** Bàn ghế, thiết bị phòng học, camera,...**

Loại	Tổng số	Thiếu	Cần sửa chữa	Ghi chú
Bàn ghế giáo viên (bộ)	27	0	0	
Bàn ghế học sinh đúng quy cách	619	0	20 bộ	
Bảng chống lóa	27	0	0	
Bảng tương tác thông minh	07	0	0	
Màn ti vi	01	0		
Điều hoà	78	0		
Hệ thống đèn, quạt (bộ/lớp)	4 quạt; 8-12 bóng tuýp	0	0	

Camera giám sát	0	0	0	
-----------------	---	---	---	--

***Máy tính, máy chiếu, máy in hiện có của trường**

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Nhu cầu cần bổ sung
Máy tính bàn dùng cho VP	01	Bình thường	0
Máy tính xách tay	02	Bình thường	01
Máy chiếu cho văn phòng	01	Bình thường	0
Máy tính dùng cho học sinh	42	Bình thường	0
Máy chiếu dùng cho học sinh	16	Bình thường	
Số máy in	03	Bình thường	0

*** Công trình vệ sinh, nước sạch**

- Công trình vệ sinh cho giáo viên

Khu	Số lượng	Tổng diện tích	Đảm bảo theo quy định	Số lượng thiếu	Giải pháp khắc phục
Dùng chung cho nam, nữ	3	120m ²	Đảm bảo	0	

- Công trình vệ sinh cho học sinh

Khu	Số lượng	Tổng diện tích	Đảm bảo theo quy định	Số lượng thiếu	Giải pháp khắc phục
Khu nam	3	120m ²	Đảm bảo	0	
Khu nữ	3	120m ²	Đảm bảo	0	

- Nguồn nước

Nguồn nước	Đang sử dụng	Đảm bảo theo quy định
Nước sạch	01	01

*** Tiêu chí khác.**

TT	Tiêu chí	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Cổng trường	1		
2	Tường rào	1	Khu tường phía sau giáp với nhà dân xây dựng đã lâu có chỗ bị đổ	
3	Tổng diện tích trường	7250m ²		
4	Số m ² /HS	8.2		
	Diện tích sân chơi	3065m ²		

TT	Tiêu chí	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
5	Diện tích bãi tập	1000m ²		
6	Nhà để xe của giáo viên	100m ²		
7	Nhà để xe của học sinh	200m ²		
8	Cảnh quan, cây xanh		Tốt	
9	Môi trường học đường		Tốt	
10	Nhà bếp	01	Tốt	
11	Phòng bán trú	0		

B. Cấp THCS

	Tổng số	Trong đó		Trong tổng số				Còn thiếu
		KCCT	Cấp 4	Nhờ	Tạm	Sửa	Không an toàn	
Phòng học	10	10	0	0	0	0	0	05
Phòng bộ môn	1	1	0	0	0	0	0	05
Phòng chức năng	7	7	0	0	0	0	0	0
Phòng làm việc	3	3	0	0	0	0	0	0

*** Bàn ghế, thiết bị phòng học, camera,...**

Loại	Tổng số	Thiếu	Cần sửa chữa	Ghi chú
Bàn ghế giáo viên (bộ)	10			
Bàn ghế học sinh đúng quy cách	146			
Bảng chống lóa	10	0		
Bảng tương tác thông minh	03			
Màn ti vi	1			
Điều hoà	34	2		
Hệ thống đèn, quạt (bộ/lớp)	6 đèn, 4 quạt/lớp			
Camera giám sát	06	0		

***Máy tính, máy chiếu, máy in hiện có của trường**

Tên	Số lượng (chiếc, bộ)	Tình trạng hoạt động	Nhu cầu cần bổ sung
Máy tính bàn dùng cho VP	04	Bình thường	0
Máy tính xách tay	07	Bình thường	
Máy chiếu cho văn phòng	0		
Máy tính dùng cho học sinh	33	Bình thường	
Máy chiếu dùng cho học sinh	06	Bình thường	
Số máy in	5	Bình thường	

*** Công trình vệ sinh, nước sạch**

- Công trình vệ sinh cho giáo viên

Khu	Số lượng	Tổng diện tích	Đảm bảo theo quy định	Số lượng thiếu	Giải pháp khắc phục
Dùng chung cho nam, nữ	03	120m ²	Đảm bảo	0	

- Công trình vệ sinh cho học sinh

Khu	Số lượng	Tổng diện tích	Đảm bảo theo quy định	Số lượng thiếu	Giải pháp khắc phục
Khu nam	3	120 m ²	Đảm bảo		
Khu nữ	3	120 m ²	Đảm bảo		

- Nguồn nước

Nguồn nước	Đang sử dụng	Đảm bảo theo quy định
Nước sạch	01	01

***Tiêu chí khác.**

TT	Tiêu chí	Số lượng	Chất lượng	Ghi chú
1	Cổng trường	1		
2	Tường rào	1	Khu tường phía sau giáp với nhà dân xây dựng đã lâu có chỗ bị đổ	
3	Tổng diện tích trường	9452m ²		
4	Số m ² /HS	14,23 m ²		
	Diện tích sân chơi	2500m ²		
5	Diện tích bãi tập	1120m ²		
6	Nhà để xe của giáo viên	50m ²	Chỉ là lán dựng lên để tạm	
7	Nhà để xe của học sinh	300m ²		
8	Cảnh quan, cây xanh		Tốt	
9	Môi trường học đường		Tốt	

5. Kết quả hoạt động giáo dục thực tế năm học 2023-2024**A. Cấp Tiểu học**

1. Kế hoạch phát triển giáo dục, phổ cập:

- Duy trì sĩ số: 100%

- Phổ cập giáo dục TH : mức độ 3

2. Chất lượng giáo dục toàn diện:

- HSHTCT lớp học và lên lớp thẳng : $909/914 = 99.4\%$;
- HS hoàn thành Xuất sắc nội dung học tập và rèn luyện: 286 em, đạt 31%.
- HS hoàn thành Tốt, học sinh tiêu biểu: 57 em, đạt 6%.

3. Học sinh hoàn thành chương trình TH: 189/189 đạt tỷ lệ 100%

4. Lớp xuất sắc: 10 lớp

5. Chất lượng mũi nhọn

- Thi vẽ tranh về chiếc ô tô mơ ước: 1 HS lớp 2 đạt giải ba toàn quốc.
- Tham dự tiếng anh IOE: Có 4 HS đạt cấp huyện, 3 học sinh đạt cấp tỉnh; 2 học sinh đạt giấy chứng nhận cấp quốc gia.
- Thi Toán Vioedu: đạt cấp huyện 12 học sinh. Có 1 học sinh đạt giải vàng cấp tỉnh.
- Tham dự Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện đạt giải ba bóng đá nam tiểu học.
- Thi Trạng Nguyên Tiếng Việt cấp huyện: đạt 7 giải (1 nhất, 2 nhì, 4 khuyến khích)
- Thi sáng tạo thanh thiếu niên tỉnh Hưng Yên: 3 HS đạt giải khuyến khích cấp tỉnh.
- Tham dự giao lưu tiếng anh cấp huyện: đạt các giải cá nhân 3 nhất, 4 nhì.
- Thi tiếng anh TOEFL: có 2 học sinh tham gia.
- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: đạt 3/3 đc.

B. Cấp THCS

0	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Kết quả rèn luyện	607	168	175	134	130
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	407(67%)	108(64.3%)	100(57.1%)	94(70.1%)	105(80.8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	117(19,3%)	42(25%)	46(26.3%)	29(21.6%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	83(13.7%)	18(10.7%)	29(16.6%)	11(8.3%)	25(19.2%)
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Kết quả học tập	607	168	175	134	130
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	55(9.1)	23(13.7%)	9(5.1%)	13(9.7%)	10(7.7%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	486(80%)	55(32.7%)	55(31.5%)	40(29.9%)	95(73.1)
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)		72(42.9%)	91(52%)	78(58.2%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	66(10.9%)	18(10.7%)	20(11.4%)	3(2.2)	25(19.2%)

III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		165(98.2)	171(97.7)	133(99.3)	
a	Học sinh giỏi, XS (tỷ lệ so với tổng số)		23 G(13.7%)	9G(5.1%)	13G(9.7%)	10G(7.7%)
b	Học sinh tiên tiên (tỷ lệ so với tổng số)					51(39.2%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	34	17(10.1%)	14(8%)	3(2.2)	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	8	3(1.8%)	4(2.3%)	1(0.7%)	0
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đi: 9 Đến:7	Đi:3 Đến :1	Đi:6 Đến :2	Đi:0 Đến :0	Đi:0 Đến :4
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	0
6	Bỏ học (tỷ lệ so với tổng số)		4 (0,6%)	2	0	2
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	28	6	7	3	12
1	Cấp huyện	15	4	3	2	6
2	Cấp tỉnh/thành phố	13	2	4	1	6
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0				
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp	130				130
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	129				129
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	10 (7,8%)				10 (7,8%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	51 (39,5%)				51 (39,5%)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	68 (52,7%)				68 (52,7%)
VII	Số học sinh thi đỗ THPT (tỷ lệ so với tổng số)	73 (90.1%)				73 (90.1%)

IV. Cam kết chất lượng giáo dục năm học 2024 – 2025

		Chia theo khối lớp
--	--	---------------------------

STT	Nội dung	Lớp 1	Lớp 2 - lớp 9
	Điều kiện tuyển sinh	- HS thuộc địa bàn xã Trung Trắc - Đủ 6 tuổi (sinh năm 2018, có giấy khai sinh hợp lệ, hoàn thành chương trình MN - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường.	- HS thuộc địa bàn xã Trung Trắc - Đảm bảo lên lớp đúng theo Thông tư số: 22/2021/TT-BGDĐT của BGD(THCS); TT 27/2020/TT-BGDĐT (TH) - HS chuyển đến có đủ hồ sơ hợp lệ, học bạ, giấy khai sinh, giấy chuyển trường

II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện chương trình hiện hành theo quy định của Bộ BGD&ĐT. Thời gian học 35 tuần, Nghi lễ, tết theo quy định của nhà nước Kiến thức kỹ năng đúng quy định chuẩn của BGDĐT. Chương trình đào tạo nhằm phát triển toàn diện và kỹ năng sống.
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường được thành lập trường theo Quyết định của UBND huyện Văn Lâm, hoạt động theo đúng điều lệ trường THCS, trường phổ thông có nhiều cấp học (Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT) - Nhà trường và phụ huynh có sự phối hợp chặt chẽ trong việc theo dõi, giáo dục học sinh. Hoạt động Ban đại diện cha mẹ học sinh theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT. Ban đại diện học sinh trường, lớp họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường có 11 thành viên, ban đại diện lớp có 2 thành viên. - Tổ chức Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động đúng điều lệ, kế hoạch do Hội đồng Đội các cấp và kế hoạch nhà trường. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và phong trào xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Cơ sở vật chất đủ đảm bảo cho tất cả các môn giảng dạy. - Thiết bị dạy học: Đủ các thiết bị tối thiểu theo quy định Bộ GD&ĐT. - Có 02 phòng tin học ở khối TH cơ bản đáp ứng đủ nhu cầu học tập của HS. - Phòng học được trang bị đầy đủ: bàn ghế, bảng chống lóa, ánh sáng, quạt thoáng mát, ti vi, máy tính.

V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	* Đối với cấp Tiểu học Hoàn thành chương trình lớp học: Khối 1: 98%; Khối 2: 99%; Khối 3: 99,1%; K4: 99%; K5: 100% + Học sinh xuất sắc: 320 em + Học sinh tiêu biểu: 225 em + Tập thể lớp xuất sắc: 15 đến 17 lớp *Đối với cấp THCS 1. Kết quả rèn luyện: Tốt: 68%; Khá: 22%; Đạt: 9,3%; Chưa đạt 0,7%; 2. Kết quả học tập: Tốt: 9.5%; Khá: 32%; Đạt: 52.5%; Chưa đạt 6%; 3. Lên lớp: 99%. 4. TNTHCS: 98.5%. 5. Kết quả thi đỗ vào lớp 10 THPT công lập: 70 đến 80 em. * Chất lượng mũi nhọn: - Học sinh giỏi cấp tỉnh: 01 đến 02 em. - Học sinh giỏi cấp huyện: 10 đến 15 em. - Cấp trường: 1. Học sinh xuất sắc 2 đến 4 em. 2. Học sinh giỏi 60 đến 70 em. 3. Khen từng mặt 50 đến 70 em. 4. TDTT: 1 đến 2 giải cấp tỉnh; 7 đến 9 giải cấp huyện. 5. Tập thể lớp xuất sắc: 7 đến 8 lớp. -Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường theo mùa, khám bệnh, tiêm phòng đúng định kỳ; không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS.
---	---	---

VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99,7%	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99,7%	- Đạt từ 98% trở lên học sinh lên lớp thẳng (sau khi thi lại và rèn luyện trong hè) - Duy trì sĩ số 99,7%	- 100% được công nhận TN THCS. - Duy trì sĩ số 99,7%
----	---	---	---	---	--

V. Kết quả tài chính

1. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước cấp năm 2023

T T	Nội dung	Tổng kinh phí được nhà nước	Tổng kinh phí phải tiết	Tổng kinh phí được sử dụng chi	Tổng kinh phí đã sử dụng chi	Ghi chú
--------	----------	-----------------------------	-------------------------	--------------------------------	------------------------------	---------

		cấp	kiệm			
I	Tổng ngân sách được cấp	10.264.111.390		10.264.111.390	10.264.111.390	
II	Nội dung ngân sách nhà nước cấp					
1	Chi hoạt động thường xuyên				9.787.020.390	
	- Chi lương và các khoản phụ cấp theo lương của cán bộ, giáo viên, nhân viên				7.252.295.535	
	- Chi hoạt động chuyên môn, quản lý hành chính				1.072.517.848	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm TS				1.203.072.407	
	- Chi khác				259.134.600	
	...V.V...					
2	Chi hoạt động không thường xuyên				477.091.000	
	Phụ cấp làm thêm				443.807.000	
	- Chi cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập				13.284.000	
	- Chi tham quan học tập				20.000.000	
	- Chi cải tạo, sửa chữa nhỏ CSVC của nhà trường					
3	Thực hiện dự án xây dựng, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em					
	- Dự án xây dựng CSVC					
	- Dự án mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học					

2. Công khai dự toán ngân sách nhà nước cấp năm 2024

T T	Nội dung	Tổng dự toán ngân sách nhà nước cấp	Tổng kinh phí phải tiết kiệm	Tổng kinh phí được sử dụng	Ghi chú
3.1	Dự toán được ngân sách nhà nước cấp chi các hoạt động của đơn vị	9.501.170.000		9.501.170.000	
1	Chi hoạt động thường	9.451.170.000		9.451.170.000	

	xuyên				
2	Chi hoạt động không thường xuyên	50.000.000		50.000.000	
	- Chi cấp bù học phí				
	- Chi dạy thêm giờ				
	- Chi cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất của nhà trường				
	- Chi mua phần mềm				
II	Thực hiện dự án xây dựng CSVN, mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học				
1	Dự án xây dựng cơ sở vật chất				
2	Dự án mua sắm thiết bị, đồ dùng dạy học				
III	Tổng dự toán ngân sách nhà nước cấp	9.501.170.000		9.501.170.000	

3. Công khai quyết toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền được viện trợ, tài trợ, được biểu, được tặng, được ủng hộ năm học 2023 - 2024

T T	Danh mục quyết toán	Tổng kinh phí thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi	Tổng kinh phí đã chi	Kinh phí còn lại chuyển năm học sau
1	Tiền học phí	224.730.000		224.730.000	170.605.304	54.124.696
2	Tiền điện	95.088.335		95.088.335	94.673.636	414.699
3	Tiền nước uống	99.51.8000		99.51.8000	99.51.8000	0
4	Tiền trông xe	43.518.000		43.518.000	43.518.000	0
5	Tiền vệ sinh	39.825.000		39.825.000	39.825.000	0
6	Tiền học thêm	264.120.000		264.120.000	264.120.000	0
7	Tiền trải nghiệm					
8	Tiền bảo hiểm Y tế	223.171.200	223.171.200			
9	Tiền bảo hiểm thân thể	123.700.000	123.700.000			
10	Tiền các khoản thu khác					

*** Số tiền đơn vị được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ**

Danh mục	Tổng kinh phí (số tiền) thu được	Tổng kinh phí (số tiền) đã chi	Tổng kinh phí (số tiền) còn lại	Ghi chú
Số tiền đơn vị được viện trợ, tài trợ, được biểu, tặng, ủng hộ	0	0		

4. Công khai dự toán các khoản đóng góp từ học sinh và số tiền đơn vị được viện trợ, tài trợ, được biếu, được tặng, được ủng hộ năm học 2024-2025

*** Các khoản tiền đóng góp từ học sinh**

T T	Danh mục thu	Số học sinh	Định mức thu	Tổng kinh phí dự toán thu được	Tổng kinh phí thực tế thu được	Tổng kinh phí phải nộp đi	Tổng kinh phí được để lại chi
1	Tiền học phí	661	396.000	261.756.000			
2	Tiền điện	1.534	90.000	138.060.000			
3	Tiền nước uống	1.534	54.000	82.836.000			
4	Tiền trông xe	645	108.000	69.660.000			
5	Tiền vệ sinh	1.534	108.000	165.672.000			
6	Tiền học thêm	532	1.260.000	670.320.000			
7	Tiền bảo hiểm Y tế	1.470	505.440	742.996.800			
8	Tiền bảo hiểm thân thể	1.62	200.000	272.400.000			
9	Tiền các khoản thu khác						

5. Danh sách học sinh được giảm học phí năm học 2024 -2025

STT	Họ và tên	Lớp	Đối tượng	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thảo Nguyên	6A4	Hộ cận nghèo	
2	Lý Sầm Hoàng Sơn	7A1	Hộ cận nghèo	
3	Lê Thanh Huyền	7A2	Hộ cận nghèo	
4	Lê Xuân Thiện	8A1	Hộ cận nghèo	
5	Hoàng Thị Hồng Nhật	8A2	Hộ cận nghèo	
6	Hoàng Thị Hồng Ngọc	9A2	Hộ cận nghèo	

VI. Hình thức và thời điểm công khai

1. Hình thức

- Tổ chức công khai trong hội đồng sư phạm bằng hình thức niêm yết, thông báo, đưa lên cổng thông tin của trường. Nhờ vậy phụ huynh và cán bộ, viên chức và học sinh của trường đều nắm rõ các nội dung thông báo để lựa chọn hình thức học tập phù hợp.

Qua công khai cam kết về chất lượng giáo dục và công khai minh bạch về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính tại trường đã tạo điều kiện cho học sinh và xã hội có cơ sở đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục của trường. Phụ huynh yên tâm khi đưa con đến trường, chất lượng giáo dục chuyển biến tốt, tạo thương hiệu của trường về chất lượng.

2. Thời điểm công khai

Về cam kết chất lượng, chất lượng giáo dục thực tế, các điều kiện đảm bảo chất lượng, thu chi tài chính đăng tải và niêm yết thông báo từ giữa tháng 8/2024.

Riêng dự toán thu chi tài chính 2024 thông báo và đăng tải ngay sau khi có quyết định phân bổ ngân sách 2024 của UBND huyện Văn Lâm.

Tiếp tục đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của trường và cập nhật khi khai giảng năm học mới và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

Thời điểm công bố là tháng 6 hàng năm và cập nhật đầu năm học mới (tháng 9 năm 2024) hoặc khi có thay đổi nội dung liên quan. Thời gian thực hiện niêm yết công khai tại trường ít nhất 15 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết, đảm bảo thuận tiện cho cha mẹ học sinh xem xét.

Đối với học sinh tuyển mới: phổ biến hướng dẫn tuyển sinh và các thông báo theo từng thôn trước khi trường thực hiện tuyển sinh.

Đối với học sinh đang học tại trường: tổ chức họp cha mẹ học sinh vào đầu năm học mới để thông báo chi tiết.

Các năm về sau vẫn thực hiện theo hình thức và thời gian, thời điểm như năm học trước.

Nơi nhận:

- UBND xã Trung Trắc
- CMHS, HS
- PGD&ĐT (để b/c)
- CB, GV, NV
- Lưu: Văn thư.


HIỆU TRƯỞNG

Th.s Hoàng Thị Thu Thủy